

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-PT

Ngày 11/3/2022

*“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là
quyền sử dụng đất; yêu cầu tuyên bố
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất vô hiệu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: ông Ngô Văn Thắng và ông Bùi Đức Tuấn

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà
Nguyễn Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLPT-DS ngày 02/11/2020 về việc: *“Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất; yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS - ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2021/QĐPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐ-PT- ngày 30/6/2021, Thông báo số 60/TB-TA ngày 29/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 19/TB-TA ngày 19/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐ-PT ngày 10/9/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 07/2021/QĐPT-DS ngày 24/9/2021, Thông báo về việc chuyển lịch xét xử số 26/TB-TA ngày 18/10/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2021/QĐPT-DS ngày 28/10/2021, Thông báo về việc chuyển lịch xét xử số 316/TB-TA ngày 22/11/2021, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 05/2021/QĐ-PT ngày 25/11/2021, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 01/2022/QĐPT-DS ngày 15/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Hà Ngọc T** và bà **Phạm Thị D**; địa chỉ: nhà C14, tập thể B, tổ 48, cụm 1, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người đại diện: ông **Đặng Quốc A**; địa chỉ: tổ 3, khu BĐ, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/11/2019, có mặt.

2. Bị đơn: ông **Hoàng Văn H**, địa chỉ: thôn 1, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người đại diện: ông **Đặng Văn T**; địa chỉ: tổ 4, khu 8, phường HH, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 02/01/2020, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh** (viết tắt là UBND huyện **VĐ**); địa chỉ: khu 5, thị trấn CR, huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh**;

Người đại diện: bà **Châu Mai Th** – Chức vụ: Phó Giám đốc, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện **VĐ**, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 14/9/2020, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã **HL, huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh**** (viết tắt là UBND xã **HL**); địa chỉ: xã **HL, huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh****;

Người đại diện: ông **Dương Văn N** – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã **HL**, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 21/5/2020, vắng mặt không có lý do.

- Ông **Hoàng Đình Th** và bà **Đinh Thị L**; địa chỉ: thôn 1, xã **HL, huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh****, vắng mặt không có lý do.

4. Người làm chứng:

- Ông **Lê Quốc Ng**; địa chỉ: thôn 7, xã **HL, huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh****, có mặt.

- Ông **Hoàng Xuân L**; địa chỉ: thôn 1, xã **HL, huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh****, vắng mặt không có lý do.

5. Người kháng cáo: bị đơn ông **Hoàng Văn H**.

6. Người kháng nghị: Viện Trưởng - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh **Quảng Ninh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2019, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hà Ngọc T, bà Phạm Thị D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Quốc A trình bày:*

Ngày 25/7/2005, ông Hà Ngọc T - bà Phạm Thị D đã thỏa thuận với ông Hoàng Đình Th - bà Đinh Thị L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 01 thửa đất diện tích 240m²; địa chỉ: thôn 1, xã **HL, huyện **VĐ, tỉnh Quảng Ninh****; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 658657 do UBND huyện **VĐ** cấp ngày 04/3/2004 mang tên bà **Đinh Thị L** (viết tắt là **GCNQSDĐ số W 658657 mang tên bà **Đinh Thị L****). Việc chuyển nhượng đã được cán bộ địa chính UBND xã **HL** cắm mốc thực địa; được UBND xã **HL** huyện **VĐ** chứng thực ngày 25/7/2005 và phòng địa chính huyện **VĐ** xác nhận đăng ký biến động ngày 8/8/2005. Tháng 8/2005, ông T - bà D tiến hành xây tường rào bằng gạch ba banh xung quanh thửa đất để quản lý đất. Đến tháng 3/2019, do có nhu cầu xây dựng, ông T - bà D tiến hành chuẩn bị xây lại tường rào thì phát sinh tranh chấp với ông H, do thửa đất ông T - bà D nhận chuyển nhượng của ông Th - bà L hiện do gia đình ông H sử dụng để trồng cây lâu năm. Ông T - bà D đã đề nghị UBND xã **HL** giải quyết tranh chấp đất đai nhưng không thành. Ông T - bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông H phải trả lại ông T - bà D quyền sử dụng đất diện tích 240m² nêu trên; buộc ông H phải tự di

dời toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc khác do ông H trồng và xây dựng trên đất, khôi phục lại toàn bộ hiện trạng đất như khi ông T - bà D nhận chuyển nhượng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông H, người đại diện của nguyên đơn ông Đặng Quốc A có quan điểm: ông H không phải là người có đất bán, không phải là người mua đất, không phải là cơ quan chứng thực hợp đồng và cũng không phải là chủ thể giao dịch hợp đồng nên không có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th – bà L với ông T-bà D là có hiệu lực hay không có hiệu lực. Trong trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vô hiệu, ông T - bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

** Theo đơn phản tố và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Hoàng Văn H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, là ông Đặng Văn T trình bày:*

Năm 1980, gia đình ông H chuyển từ Móng Cái vào định cư tại thôn 1, xã HL, huyện VD được chính quyền địa phương xã HL và huyện VD giao đất để làm nhà ở và canh tác. Sau khi được giao đất, gia đình ông H đã xây tường bao quanh vườn để chắn sóng và làm nhà ở. Năm 2003, UBND huyện VD chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông H diện tích 322m² đất ở, phần đất còn lại gia đình ông H vẫn canh tác. Ông H đã đề nghị chính quyền địa phương cấp quyền sử dụng hết diện tích đất trên nhưng không được chính quyền địa phương chấp nhận. Sau một thời gian có người lạ đến gia đình ông H nói họ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất gia đình ông H làm vườn nhưng ông H không biết họ là ai, họ ở đâu. Khi biết có người đến nhận đất nhà ông H, từ năm 2003 đến nay ông H đã viết rất nhiều đơn kiến nghị đến chính quyền Xã HL, chính quyền huyện VD, chính quyền tỉnh Quảng Ninh để kiến nghị nhưng không được trả lời. Ngày 05/5/2019, ông H phải làm đơn khởi kiện hành chính, về hành vi không giải quyết đơn của UBND huyện VD, trước Tòa án tỉnh Quảng Ninh thì ngày 07/8/2019, UBND huyện VD mới ban hành văn bản số: 596/UBND-TD trả lời gia đình ông H. Tại văn bản trả lời của UBND huyện VD ghi rõ đất gia đình ông H đang quản lý và canh tác, UBND huyện VD đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác cụ thể là ngày 04/3/2004, UBND huyện VD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1439, diện tích đất 240 m² cho bà Định Thị Lai. Trong công văn trả lời, UBND huyện VD thừa nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là không đúng quy định của pháp luật: khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thông qua hội đồng đăng ký đất đai, vi phạm điểm c mục 3 phần 1 Chương 3 Thông tư số: 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính; UBND xã không công khai kết quả xét tại thôn để mọi người tham gia trong thời hạn 15 ngày, trái quy định tại điểm d mục 3 phần 1 chương 3 Thông tư số: 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính; hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có giấy tờ xác định mốc thời gian sử dụng đất đai, không kê khai theo mẫu số: 02/QSDĐ kèm theo Thông tư số: 115/2000/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số: 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ, được UBND xã xác nhận thời điểm người sử dụng làm đất ở là trái quy định mục 5 chương 3 của Thông tư số: 115/2000/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số: 38/NĐ-CP ngày 23/8/2000 về thu tiền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L là trái khoản 1

Điều 2 Luật Đất đai năm 1993. Ngoài ra trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, còn giả mạo chữ ký của ông H và bố ông H là cụ Hoàng Văn Đào là hai hộ liền kề với thửa đất (hồ sơ này được coi là hồ sơ lập không hay còn gọi là hồ sơ ma). Sau khi chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L, ngày 25/7/2005 ông Th – bà L lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T - bà D. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th- bà L với ông T - bà D vô hiệu.

- Ngày 09/7/2020, ông H nộp đề ngày 08/7/2020 có nội dung: các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Văn L, ông Phạm Văn H - bà Hoàng Thị K và bà Đinh Thị L là trái qui định của pháp luật và đây là quyết định cá biệt. Ông H, bà T yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Văn L, ông Phạm Văn H - bà Hoàng Thị K, bà Đinh Thị L. Căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H, bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện VĐ chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết theo thẩm quyền (bản chính được lưu trong hồ sơ vụ án thụ lý số: 17/ngày 13.12.2019).

- Ngày 11/8/2020, ông Hoàng Văn H giao nộp các giấy xác nhận của các ông bà Nguyễn Huy Ch, Hoàng Văn M, Đỗ Trọng X, Hoàng Hồng Ng, Lưu Thị H, Hoàng Thị T, Đoàn Thị V, Đỗ Văn Kh, Phạm Thị B, Hoàng Văn Y; đều có địa chỉ tại thôn 1, xã HL, huyện VĐ có nội dung: tôi ở cùng thôn với ông Hoàng Văn H, tôi được biết gia đình ông Hoàng Văn H ở thửa đất trên từ năm 1980 đến nay, trước nhà ông H là vườn trồng màu. Ngoài ra, ông H còn giao nộp 01 văn bản giải quyết đơn kiến nghị ngày 23/4/2004 của Hội đồng bầu cử tỉnh Quảng Ninh (bản chính được lưu trong hồ sơ vụ án thụ lý số: 17/ ngày 13/12/2019).

**Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Người đại diện của UBND xã HL ông Dương Văn N trình bày: về yêu cầu phản tố của bị đơn ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th - bà L với ông T - bà D được UBND xã HL chứng thực ngày 25/7/2005 vô hiệu. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003; Điều 706, Điều 707 Bộ luật Dân sự năm 1995 và yêu cầu của công dân đề ngày 25/7/2005, UBND xã HL đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Th - bà L và bên nhận chuyển nhượng là ông T - bà D tại số chứng thực 51 Quyền số: 01 UB/CC-SCT/HDGD. Tại thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng, GCNQSDĐ số W 658657 ngày 04/3/2004 mang tên bà Đinh Thị L chưa bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc đã làm thủ tục thế chấp, chuyển nhượng cho người khác; tại thời điểm chứng thực hợp đồng các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 19 của Bộ luật Dân sự năm 1995, tự nguyện ký kết hợp đồng, không chịu sự ép buộc của ai. Việc UBND xã HL lập hợp đồng này là đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông H có yêu cầu phản tố là không có cơ sở.

Tại văn bản số: 280/UBND ngày 11/9/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của UBND xã HL trình bày:

- Qua rà soát hồ sơ lưu, không có hồ sơ liên quan đến việc ông Hoàng Văn H làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đang tranh chấp, đã được

GCNQSDĐ số W 658657 mang tên bà Đinh Thị L, ông Th – bà L đã chuyển nhượng cho ông T - bà D. Việc cấp GCNQSDĐ số W 658657 mang tên bà Đinh Thị L là do được UBND xã xác nhận chủ sử dụng là bà Đinh Thị L nên UBND huyện VĐ không phải thu hồi đất của hộ gia đình nào để giao đất cho bà L.

- Trả lời về việc tại hồ sơ gốc cấp đất cho ông H có ghi rõ phía trước thửa đất là “Bãi Cát”, đại diện UBND xã cho rằng, thời gian trước đây do đất đai chưa có giá trị lớn và do lo mất nhiều tiền, người dân chỉ kê khai đối với phần đất họ thấy cần thiết để xin cấp GCNQSDĐ, số còn lại người dân không kê khai nên những diện tích đất này được xem là đất công. Vì vậy phía trước đất nhà ông H được cấp mới được ghi là “Bãi Cát”, khi làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, các hộ dân đều biết nội dung này và không có ý kiến gì, đồng thời ký xác nhận vào toàn bộ hồ sơ xin GCNQSDĐ. Do được xác định là đất công, thuộc sở hữu của Nhà nước, vì vậy khi người dân có yêu cầu xin cấp đất, UBND xã đã căn cứ vào hồ sơ gốc này làm thủ tục đề nghị cấp đất cho người dân và UBND huyện VĐ căn cứ vào những hồ sơ này để cấp GCNQSDĐ cho bà Đinh Thị L, sau đó ông Th - bà L thực hiện việc chuyển nhượng cho ông T - bà D.

Trả lời về việc tại sao hồ sơ cấp đất của ông H có sau, bà L có trước nhưng tại sao lại ghi phía trước nhà ông H ghi là “Bãi Cát”, đại diện UBND xã cho rằng: tại thời điểm đó, do yêu cầu hoàn thành việc cấp GCNQSDĐ cho công dân có nhiều áp lực, nên có thể cán bộ trực tiếp làm việc đã có sơ suất trong việc ghi thời gian trong hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của công dân.

- Theo văn bản số: 3071/QSDĐ ngày 15/9/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của UBND huyện VĐ, là bà Châu Mai Th trình bày: qua rà soát hồ sơ lưu, không có hồ sơ liên quan đến việc ông Hoàng Văn H làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đang tranh chấp, đã được cấp GCNQSDĐ số 1439 ngày 04/3/2004 mang tên người sử dụng đất bà Đinh Thị L và chuyển nhượng cho ông T - bà D. Việc cấp GCNQSDĐ số W 658657 ngày 04/3/2004 mang tên bà Đinh Thị L do được UBND xã HL xác nhận chủ sử dụng là bà Đinh Thị L nên UBND huyện không phải thu hồi đất của hộ gia đình nào để giao cho bà L; về nguồn gốc đất cấp cho bà L: theo tài liệu hồ sơ lưu trữ, khi ông H làm thủ tục cấp GCNQSDĐ năm 2003, toàn bộ các tài liệu liên quan đều xác định, phía trước thửa đất của ông H được cấp (phía Nam) là “Bãi Cát”, GCNQSDĐ số 1080 ngày 26/9/2003 đã cấp cho ông H cũng xác định nội dung này. UBND huyện VĐ đã cấp đất cho bà L trên cơ sở là đất công, thuộc sở hữu Nhà nước và thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương. Ông H không có đất tại vị trí này, vì vậy không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Trả lời về việc tại hồ sơ cấp đất gốc của ông H có ghi rõ phía trước là “Bãi Cát”, đại diện UBND huyện VĐ đồng tình với lời khai của đại diện UBND xã HL đã khai tại phiên tòa.

Đại diện UBND huyện VĐ thừa nhận, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị L, chính quyền có một số thiếu sót như tại văn bản số: 596/UBND-TD 07/8/2019, tuy nhiên đây là những thiếu sót về quy trình cấp đất, thuộc phạm vi công vụ của cơ quan hành chính có thẩm quyền tại địa phương.

- Ông Hoàng Đình Th và bà Đinh Thị L trình bày: việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, chúng tôi được cấp quyền

sử dụng đất nhưng không có nhu cầu sử dụng, nên chúng tôi chuyển nhượng cho người khác sử dụng. Trong trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chúng tôi với ông T - bà D bị Tòa án tuyên vô hiệu, chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do chúng tôi tuổi cao, sức yếu nên chúng tôi xin vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số:09/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 690; Điều 706; Điều 707; Điều 696 Bộ luật Dân sự năm 1995. Điều 166; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Ngọc T và bà Phạm Thị D. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn H.

- Buộc ông Hoàng Văn H phải trả lại cho ông Hà Ngọc T và bà Phạm Thị D diện tích 240m² đất ở tại thôn 1, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 658657, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1439 do UBND huyện VĐ cấp ngày 04/3/2004 mang tên bà Đinh Thị L đã chuyển nhượng cho ông Hà Ngọc T và bà Phạm Thị D ngày 08/8/2005.

- Ông Hoàng Văn H phải tự di dời toàn bộ cây trồng trên đất, khôi phục lại toàn bộ hiện trạng đất như khi ông T - bà D nhận chuyển nhượng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định.

- Ngày 28/9/2021, bị đơn ông Hoàng Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị số: 36/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/10/2020 của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị với các nội dung: xác định sai quan hệ pháp luật; đưa thiếu người tham gia tố tụng: vợ ông H là bà Nguyễn Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; chưa thu thập đầy đủ chứng cứ; nhận định, đánh giá về các tình tiết của vụ án không khách quan, toàn diện, vi phạm điểm b khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; bản án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thị - bà L với ông T - bà D là không phù hợp với Bộ luật Dân sự; bản án nhận định và tuyên án chưa đảm bảo đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn, là ông Đặng Quốc A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, là ông Đặng Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên nội dung kháng nghị.

- Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đặng Văn T trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị L là trái với khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho đương sự về tài liệu, chứng cứ thu thập bổ sung là vi phạm khoản 5 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; bản án sơ thẩm quyết định trái với Kết luận số: 83/TB-UBND ngày 07/4/2014 và Kết luận số: 1057/KL-UBND ngày 05/6/2017 của UBND huyện VĐ. Do đó, đề nghị xét xử phúc thẩm lại vụ án công tâm, khách quan, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc bản án được thi hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh trình bày kháng nghị (nội dung theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 36/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, là ông Đặng Quốc A trình bày ý kiến đối với nội dung kháng cáo của bị đơn ông H và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát: ông T - bà D không đồng ý kháng cáo của bị đơn ông H và kháng nghị của Viện kiểm sát vì Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm; đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng, không phải là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng vì nếu có đưa vợ ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không làm thay đổi bản chất vụ án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đặng Văn T trình bày: ông H đồng ý với toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát. Vợ ông H không đồng ý đưa vào tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm vì không đảm bảo quyền và nghĩa vụ của họ.

- Các đương sự, Đại diện Viện kiểm sát đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự (trừ UBND xã HL) đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã HL không chấp hành việc giao nộp chứng cứ cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án tại phiên tòa xét xử ngày 24/9/2021, không có mặt tại phiên tòa ngày 28/3/2022 (không có lý do), là không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự, vi phạm Điều 70; Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh có vi phạm như Quyết định kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu và phù hợp với một số nội dung kháng cáo của bị đơn ông H. Trong thời

hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm cơ bản đã khắc phục được những vi phạm, tuy nhiên còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không thể khắc phục được là Tòa án cấp sơ thẩm không xác định và đưa vợ ông H là bà Nguyễn Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, là vi phạm khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông H và kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn H và kháng nghị của Viện Trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đều trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đình Th - bà Đình Thị L, UBND xã HL, UBND huyện VĐ và người làm chứng ông Hoàng Xuân L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà ông Hoàng Đình Th - bà Đình Thị L, UBND xã HL và ông Hoàng Xuân L đều vắng mặt không lý do; UBND huyện VĐ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn ông Hoàng Văn H về cơ bản phù hợp với nội kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với các nội dung kháng cáo, nội dung kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: không thông báo cho đương sự về tài liệu, chứng cứ thu thập bổ sung là vi phạm khoản 5 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; chưa thu thập đầy đủ chứng cứ; xác định sai quan hệ pháp luật và đưa thiếu người tham gia tố tụng:

[2.1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 04/2020/QĐ-CCTLCC ngày 23/7/2020 đối với UBND huyện VĐ và Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 05/2020/QĐ-CCTLCC ngày 23/7/2020 đối với UBND xã HL. Tuy nhiên, đến phiên tòa sơ thẩm ngày 20/8/2020, UBND huyện VĐ và UBND xã HL đều chưa cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án yêu cầu. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ. Đến phiên tòa sơ thẩm ngày 18/9/2020, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã công bố các tài liệu, chứng cứ mới thu thập được theo đúng quy định, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của bị đơn nên không có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm dấu tài liệu, chứng cứ thu thập bổ sung như kháng cáo của bị đơn.

[2.1.2] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định số:166/2020/QĐ-CCTLCC và số:167/2020/QĐ-CCTLCC ngày 03/12/2020, yêu cầu UBND huyện VĐ và UBND xã HL cung cấp tài liệu, chứng cứ; trực tiếp làm việc với UBND huyện VĐ và UBND xã HL để thu thập tài liệu, chứng cứ; đã thu thập, tài liệu chứng cứ theo yêu cầu, đề nghị của nguyên đơn ông T - bà D.

Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ:

- Ngày 18, 19/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã lấy lời khai của ông Lê Quốc Ng và ông Hoàng Xuân L.

* Ông Lê Quốc Ng, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn 7, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh khai: ông làm cán bộ địa chính xã HL từ 1994 đến tháng 10/2004, là người cùng xã với ông H và ông bà Thi - Lai (đều là xã viên HTX tháng 8, di dân từ Móng Cái về thôn 1 xã HL từ năm 1980); ông không quen biết ông bà Thọ - Dung. Ông bà Thọ - Dung mua lại quyền sử dụng đất của ai, như thế nào ông không nắm được. Trong quá trình công tác, thực hiện Nghị định 64, UBND xã HL thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân (toàn bộ xã HL đều là đất chuyển vùng: dân Quảng Yên ra xã HL từ năm 1978; năm 1980 có 4 HTX từ Móng Cái chuyển vào xã HL gồm: HTX Vận tải Tháng 8 đến thôn 1; HTX đóng tàu thuyền Liên Tiến đến thôn 2; HTX Việt Thắng đến thôn 3; HTX vận tải Hòa Bình đến thôn 4). Thực hiện cấp GCNQSDĐ từ năm 2001-2002 cho các hộ nông nghiệp; năm 2003 -2004 cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân thuộc các HTX nêu trên. Trước khi triển khai cấp GCN, mời chủ nhiệm HTX làm việc xác định nguồn gốc đất cho từng hộ, riêng HTX Tháng 8 từ năm 1980 mỗi hộ được cấp từ 300-360m² đất ở. Hội đồng đo đạc có ông Hoàng Xuân L là chủ nhiệm HTX Tháng 8 kiêm Bí thư chi bộ và ông Hoàng Thế Kỷ là Trưởng thôn 1 (ông Kỷ đã chết năm 2015) khi đó đã đến từng hộ đo đạc. Trong đó có đến hộ ông H để đo đạc, cấp GCN: thời điểm đó hộ ông H và hộ cụ Đào (bố ông H) đã xây bờ rào bằng gạch vôi, cao khoảng 1,5m nên đo đạc để cấp GCN cho những hộ này trước theo ranh giới này. Ngoài bờ rào, hộ ông H và hộ cụ Đào (bố ông H) xác định không phải ranh giới đất của họ quản lý. Khoảng 1-2 tháng sau, đo đạc phần diện tích đất liền kề để cấp GCN cho hộ bà Đình Thị L, diện tích đất của hộ bà L được đo đạc có vị trí thấp hơn thửa đất của hộ ông H và hộ cụ Đào (bố ông H) khoảng 50-60cm, có ông Lại và ông Kỷ xác nhận nguồn gốc cho hộ bà L là đất di dân, ông H có biết, không có ý kiến gì.

* Ông Hoàng Xuân L, sinh năm 1940; địa chỉ: thôn 1, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh khai: ông làm Trưởng ban kiểm soát của HTX vận tải Tháng 8 từ năm 1979, đến năm 1987 ông làm chủ nhiệm Hợp tác xã vận tải Tháng 8 cho đến năm 2002 thì giải thể HTX. Ngoài ra, ông còn làm Bí thư chi bộ thôn 1 từ năm 1989 đến 2017. Ông không quen biết ông bà Thọ - Dung, ông quen biết ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Đình Th - bà Đình Thị L; đều ở thôn 1, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh và không có mâu thuẫn gì. Các hộ ông Hoàng Văn H và ông bà Hoàng Đình Th - Đình Thị Lai, đều là xã viên HTX Tháng 8 di dân từ Móng Cái đến thôn 1, xã HL từ năm 1980. Từ năm 1980, UBND xã phân đất cho các hộ dân từ 300m²-360m²; năm 2001- 2002, UBND xã thực hiện việc đo đạc để cấp GCN cho các hộ dân, ông trong thành phần làm việc xác định nguồn gốc đất cho từng hộ

dân. Hội đồng đo đạc gồm có ông, ông Kỷ - Thôn trưởng (ông Kỷ đã chết), địa chính xã là ông Lê Quốc Ng và cán bộ xã. Khi đi đo đạc, đã đo hộ ông H, hộ cụ Đào (bố ông H), ông bà Tường - Tàn trước do những hộ này lúc đó đã có ranh giới, có hàng rào xây bằng gạch vôi (các hộ này chỉ quản lý, sử dụng diện tích trong ranh giới hàng rào xây bằng gạch vôi). Phần đất ngoài hàng rào, các hộ ông H, cụ Đào (bố ông H), ông bà Tường – Tàn không quản lý, sử dụng. Vì vậy, khoảng 1-2 tháng sau, chúng tôi đo đạc phần diện tích liền kề hộ ông H để cấp GCN cho hộ ông Hoàng Đình Th - bà Đình Thị L (phần diện tích đất này ở phía dưới, thấp hơn, phía bên ngoài hàng rào, tách biệt với ranh giới hộ ông H đang sử dụng). Ông H chỉ đề đo đạc theo ranh giới tường rào; khi đo đạc để cấp GCN cho hộ ông Hoàng Đình Th - bà Đình Thị L, ông H có biết, không ý kiến gì (nếu ông H có ý kiến thì đã phải ngừng lại kiểm tra).

** Ngày 24/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã làm việc với UBND huyện VĐ và UBND xã HL, đã xác định:*

- UBND huyện VĐ không lưu trữ Công văn số: 36/HĐBC ngày 23/4/2004 của Hội đồng bầu cử tỉnh Quảng Ninh; 02 đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị T khiếu nại về việc làm của một số cán bộ xã HL trong việc xác định quỹ đất được cấp sổ đỏ cho gia đình ông, bà là không đúng nên không xác định được kết quả giải quyết.

- Qua kiểm tra sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã HL, tại số thứ tự 1439 có nội dung: Đình Thị Lai – T1, diện tích 240m²; ngày 08/8/2005, chuyển quyền hết cho Hà Ngọc T.

- UBND huyện VĐ cung cấp tài liệu, chứng cứ:

+ *Bản trích sao trang có số thứ tự 1439 trong sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang được lưu tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất;*

+ *Bản sao lục tờ bản đồ địa chính số 43 thuộc thôn 1, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh; danh sách sổ mục kê tờ bản đồ số 43, thể hiện thửa đất đang tranh chấp là thửa số 8, tờ bản đồ: 43, diện tích 288,9m², tên người sử dụng quản lý Hoàng Văn H;*

+ *Bản sao kết quả đo đạc địa chính thửa đất năm 2011 của Thửa đất số 8, tờ bản đồ địa chính số: 43.*

- UBND xã HL, cung cấp thông tin:

+ Bản đồ địa chính UBND xã HL được lập năm 2011, phê duyệt năm 2012.

+ Thời điểm năm 2005, UBND xã HL không nhận được đơn thư của ông H và bà T khiếu nại về việc có người đến nhận đất và xây dựng tường bao đê lên tường bao của gia đình ông H và bà T đã xây tại các thửa đất số: 06, 08 và 09 tờ bản đồ số 43; địa chỉ: thôn 1, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

+ Ngày 27/10/2021, ông Hoàng Văn H giao nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh 01 Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư đề ngày 26/10/2021, có xác nhận ngày 26/10/2021 của UBND xã HL, thể hiện nội dung: ông Nguyễn Trường Xuân – Phó trưởng thôn 1, xã HL chủ trì cuộc họp xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số: 08 và 09 tờ bản đồ số 43 tại địa chỉ thôn 1, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh. Kết quả: 05 người đại diện của 05 hộ gia được lấy ý kiến, xác định sinh sống cạnh gia đình ông Hoàng Văn H từ năm 1980 đến nay, thống nhất xác nhận thửa đất số: 08 và 09, tờ bản đồ số 43 (theo sơ đồ khảo sát

hiện trạng sử dụng đất T3/2021) là của gia đình ông Hoàng Văn H quản lý, sử dụng từ năm 1980 (sử dụng liên tục, ổn định) đến nay, không có tranh chấp với ai. Là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương, UBND xã HL nhận thấy Phiếu lấy ý kiến khu dân chỉ là một kênh tham khảo, không thể chính xác được.

- Tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Thông tư số: 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và định giá tài sản trên đất vào ngày 26/3/2021 theo đúng quy định.

[2.1.3] Viện kiểm sát cho rằng tại phần nhận định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự nhưng tại phần mở đầu của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa đầy đủ và mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy: ông T - bà D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đã đăng ký biến động theo pháp luật về đất đai, khi có nhu cầu sử dụng đất đã xảy ra tranh chấp với ông H nên ông T - bà D khởi kiện yêu cầu ông H phải trả lại quyền sử dụng đất; ông H có đơn phản tố yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th – bà L với ông T- bà D vô hiệu. Do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là: “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu”. Tại phần đầu của bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, tại phần nhận định của bản án sơ thẩm và quyết định kháng nghị đều xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự” đều là không chính xác.

[2.1.4] Xét thấy ông T - bà D khởi kiện ông H để đòi lại quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng của ông Th – bà L nhưng gia đình ông H đang quản lý, sử dụng để trồng trọt vì ông H xác định quyền sử dụng đất tranh chấp là của gia đình ông H quản lý, sử dụng từ năm 1980. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định và đưa vợ ông H là bà Nguyễn Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, là vi phạm khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ để bổ sung người tham gia tố tụng, khắc phục vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng không khắc phục được.

[2.1.5] Bị đơn ông H và Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm tố tụng như đã nêu trên, có những vi phạm là đúng nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục, có những vi phạm là không có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định trên. Đối với vi phạm không xác định và đưa vợ ông H là bà Nguyễn Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Để giải quyết vụ án một cách toàn diện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đảm bảo việc thi hành án khi bản án có hiệu lực; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh

và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Đối với kháng cáo, kháng nghị về phần nội dung của bản án sơ thẩm do Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án sơ thẩm, nên không xem xét giải quyết về nội dung.

[3] Về chi phí tố tụng; về án phí:

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành do nguyên đơn ông T - bà D tự nguyện chi phí và tự nguyện chịu; tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá do Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành, hết tổng số tiền 6.500.000 đồng, do nguyên đơn ông T- bà D nộp tạm ứng và tự nguyện chịu.

Đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn ông T – bà D nộp tạm ứng được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm: do bản án bị hủy, người kháng cáo ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát và một phần kháng cáo của ông Hoàng Văn H.

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 148; Điều 157; Điều 165; khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về chi phí tố tụng:

- Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành, do nguyên đơn ông Hà Ngọc T - bà Phạm Thị D tự nguyện chi phí và tự nguyện chịu.

- Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá do Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành, hết tổng số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) do nguyên đơn ông Hà Ngọc T - bà Phạm Thị D nộp tạm ứng và tự nguyện chịu.

[3] Về án phí:

Ông Hoàng Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tạm giữ số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bà Phạm Thị D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002058 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh để tiếp tục giải quyết vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND huyện VĐ;
- Chi cục THADS huyện VĐ;
- Lưu HSVA; vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Tuấn

Ngô Văn Thắng

Nguyễn Thúy Hằng